

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Trình Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 1994, nơi cư trú: Tổ 3, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1988, nơi cư trú: tổ 9, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 9 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tài L trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:

* Về hôn nhân: Do mai mối bà và ông Phạm Văn T tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 24/3/2013, vợ chồng chung sống đến ngày 27/5/2013 đăng ký kết hôn theo xác nhận tại Bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 27/5/2013, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi cưới, bà sống bên gia đình nhà chồng tại tổ 9, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Thời gian đầu

cuộc sống rất hạnh phúc nên đã có nhau một đứa con chung, nhưng về sau ông Phạm Văn T nhiều lần có những lời lẽ đuổi bà đi khỏi gia đình, dẫn đến cãi vã, nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T.

* Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung tên Phạm Chí Ng, sinh ngày 31/10/2014, từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do ông Phạm Văn T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn bà đồng ý để ông Phạm Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phạm Văn T xin vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án ông có ý kiến trình bày như sau:

* Về hôn nhân: Ông xác định giữa ông và bà L được gia đình tổ chức lễ cưới ngày 24/3/2013, đến ngày 27/5/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Thời gian vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, nhưng bà L đã bỏ về nhà cha mẹ sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

* Về con chung: Có một con chung tên Phạm Chí Ng, sinh ngày 31/10/2014, từ khi vợ chồng ly thân con chung do ông nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tài L và ông Phạm Văn T có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đã thống nhất ly hôn, nên ghi nhận sự thỏa thuận này, giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Có một con chung tên Phạm Chí Ng, sinh ngày 31/10/2014. Ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và bà L thống nhất giao cho Ông T quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sự thỏa thuận của các được sự là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận này của bà L và Ông T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: Biên bản lấy lời khai ông Phạm Văn T ngày 22/12/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có bà Nguyễn Thị Tài L có mặt, ông Phạm Văn T đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Tài L và ông Phạm Văn T, đều xin xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tài L; bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn T có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại Tổ 9, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tài L và ông Phạm Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 29/HT/2013, quyền số 01/2013, ngày 27/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Tịnh Biên theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Cả hai đã thống nhất ly hôn, tuy nhiên do ông T không đến nên không tiến hành hòa giải được, do đó ghi nhận ý kiến tự nguyện ly hôn của các bên và giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà L là phù hợp.

- Về con chung: Có một con chung tên Phạm Chí Ng, sinh ngày 31/10/2014. Ông T và bà L có sự thỏa thuận về việc nuôi con chung. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận này, giao con chung cho Ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tài L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Phạm Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tài L và ông Phạm Văn T.
2. Về nuôi con chung:
 - 2.1. Giao con chung Phạm Chí Ng, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2014 cho ông Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.
 - 2.2. Bà Nguyễn Thị Tài L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Ông Phạm Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Tài L quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tài L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được

trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0005819 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Nguyễn Thị Tài L đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2013 (theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 29/HT/2013, quyền số 01/2013, ngày 27/5/2013) của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tĩnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã An Nông;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ